

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 435/TTr-SNN&PTNT ngày 30/12/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Công Thương, Thông tin và Truyền thông, Lao động - Thương binh và Xã hội, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, các Hội đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy/Thị ủy/Thành ủy;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KTTH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2022\Quyết định\01 06 ban hành Kế hoạch

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Quang Bửu



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy
Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn
gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2022
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

Để triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030, UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân về vị trí, vai trò, định hướng, nội dung, nhiệm vụ thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững trong giai đoạn mới; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, các Sở, Ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh trong tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp, tạo sự chuyển biến tích cực, rõ nét, giải quyết kịp thời, đồng bộ các vấn đề về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội - môi trường của tỉnh trong thời gian đến. Yêu cầu phải xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm và chủ yếu, theo chức năng, nhiệm vụ, từng cơ quan, đơn vị, địa phương; từ đó, chủ động xây dựng kế hoạch, giải pháp, chuẩn bị nguồn lực để tổ chức thực hiện hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp được Tỉnh ủy Quảng Nam đề ra tại Kết luận số 91-KL/TU, cụ thể:

a) Đến năm 2025

- Tỷ lệ sản xuất dưới các hình thức liên kết đạt từ 20% giá trị sản phẩm các loại cây trồng. Sản xuất theo các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) hoặc tương đương đạt 10%.

- Tỷ trọng chăn nuôi đạt 35% trong cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp. Chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô trang trại chiếm hơn 30% tổng đàn.

- Tỷ lệ sản lượng hải sản khai thác xa bờ chiếm trên 60%.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 61% (trong đó độ che phủ rừng tự nhiên đạt 45,27%). Có 20% diện tích đất rừng trồng sản xuất (30.000 ha) được cấp giấy chứng chỉ rừng bền vững theo tiêu chuẩn, tiêu chí của quản trị rừng quốc tế (FSC).

- Ứng dụng cơ giới hóa vùng tập trung chuyên canh, vùng sản xuất giống lúa, ngô, rau thực phẩm, dược liệu giống trên 95%. Tỷ lệ diện tích sản xuất được tưới khoa học, tưới tiết kiệm đạt trên 20%.

- Có 80% số xã đạt chuẩn nông thôn mới¹. Bình quân chung số tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh từ 17 - 17,5 tiêu chí/xã; không còn huyện không có xã đạt chuẩn nông thôn mới; không còn xã dưới 15 tiêu chí; có 60% số thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó, các huyện miền núi đạt 50% số thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu; có thêm từ 03 - 04 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới lên 08 - 09 đơn vị cấp huyện.

- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96% trở lên; trong đó, sử dụng nước sạch đạt 60% trở lên.

- Tỷ lệ dân số ở nông thôn tham gia bảo hiểm y tế đạt 96%; 100% xã được phủ sóng 4G, 100% xã có mạng cáp quang, 70% xã đã đạt chuẩn nông thôn mới là xã thông minh (theo bộ tiêu chí chuyển đổi số cấp xã).

- Tỷ lệ lao động khu vực nông thôn có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35% trở lên.

- Trên địa bàn nông thôn không còn nhà tạm, nhà dột nát.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 1,5 lần trở lên so với năm 2020.

b) Định hướng đến năm 2030

- Tỷ lệ sản xuất dưới các hình thức liên kết đạt từ 50% giá trị sản phẩm các loại cây trồng. Sản xuất theo các quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) hoặc tương đương đạt 30%.

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm theo quy mô trang trại chiếm hơn 50% tổng đàn.

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 61% (trong đó độ che phủ rừng tự nhiên đạt 45,74%). Phần đầu diện tích rừng gỗ lớn chiếm 50% diện tích rừng sản xuất (75.000 ha); trong đó, rừng bền vững theo tiêu chuẩn, tiêu chí của quản trị rừng quốc tế (FSC) đạt 40% diện tích rừng sản xuất (60.000 ha).

- Ứng dụng cơ giới hóa trên vùng tập trung chuyên canh, vùng sản xuất giống lúa, ngô, rau thực phẩm, dược liệu giống trên 98%. Tỷ lệ diện tích sản xuất được tưới tiêu khoa học, tưới tiết kiệm đạt trên 50%.

- Có 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới; bình quân chung số tiêu chí đạt chuẩn từ 18 - 18,5 tiêu chí/xã, có 60% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao và 30% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới kiểu mẫu; có 90% thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu, trong đó, miền núi đạt 70%; có 11 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới (trong đó, có 04 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới

¹ Khuyến khích có ít nhất 64 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 40%), ít nhất 16 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt 10%) và ít nhất 02 huyện đạt chuẩn huyện NTM nâng cao và huyện NTM kiểu mẫu (đạt 20%).

nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu). Phần đầu cơ bản đạt các tiêu chí tỉnh nông thôn mới.

- Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng 02 lần trở lên so với năm 2020.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, mọi tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí của việc phát triển bền vững nông nghiệp - nông thôn gắn với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các Sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, mọi tầng lớp nhân dân về vai trò, vị trí của nông nghiệp, nông thôn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; vai trò và tầm quan trọng của việc phát triển bền vững nông nghiệp - nông thôn gắn với sự nghiệp xây dựng nông thôn mới.

Các Sở, Ban, ngành, chính quyền các cấp tăng cường công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập nghị quyết, chỉ thị, kết luận, quyết định của Trung ương, của Tỉnh ủy về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Trong đó, chú trọng tuyên truyền, quán triệt sâu sắc, cụ thể hơn nữa nội dung Nghị quyết số 26-NQ/TW của BCH Trung ương Đảng (Khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 97-KL/TW ngày 09/5/2014, Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 70-KL/TW ngày 09/3/2020 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 Khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Quyết định 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW; Kết luận số 24-KL/TU ngày 27/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ 3 Khóa XXI về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 01/9/2011; Kế hoạch số 314- KH/TU ngày 18/5/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam về việc triển khai thực hiện Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Kết luận số 699-KL-TU ngày 17/7/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện quy hoạch và định hướng cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025... Đổi mới nội dung, phương pháp và đa dạng hình thức tuyên truyền phù hợp với từng đối tượng.

2. Kịp thời rà soát, hoàn thiện, ban hành mới các cơ chế, chính sách hỗ trợ, đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn

Các Sở, ngành khẩn trương rà soát, tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách tạo động lực mạnh mẽ, sớm hiện thực hóa chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp, thực hiện đồng bộ, xuyên suốt và nhất quán trong quá trình chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cùng với các chương trình mục tiêu quốc gia.

Rà soát và xây dựng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ tạo động lực cho doanh nghiệp và nâng cao trách nhiệm, hiệu quả đầu tư vào nông nghiệp trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, thông minh, chế biến sâu, sản xuất máy móc phục vụ nông nghiệp và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (CNC).

Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các cơ chế, chính sách đã được ban hành, có tác động trực tiếp đến đời sống, sản xuất, văn hóa - xã hội và môi trường của người dân vùng nông thôn. Xây dựng, thực thi cơ chế lồng ghép các nguồn lực cho đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên cùng địa bàn.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các giải pháp, nhiệm vụ được đề ra tại Kế hoạch số 314-KH/TU, Kết luận số 699-KL/TU của Tỉnh ủy; Kế hoạch số 3973/KH-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 314-KH/TU ngày 18/5/2020 của Tỉnh ủy Quảng Nam; Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 2240/QĐ-UBND ngày 09/8/2021 của UBND tỉnh.

3. Phát triển nông nghiệp toàn diện, thích ứng với biến đổi khí hậu; nông nghiệp tăng trưởng xanh, đa dạng sinh học, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học; nông nghiệp kết hợp du lịch

3.1. Xây dựng các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu, các mô hình gắn với hệ thống canh tác bền vững và tăng hiệu quả trên đơn vị diện tích cho từng vùng, từng loại cây trồng. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chuyển giao tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình canh tác nông - lâm kết hợp bền vững trên đất dốc, mô hình kinh tế nông thôn, trang trại; ứng dụng một số mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp thông minh; phát triển, nhân rộng các mô hình khởi nghiệp có hiệu quả.

3.2. Tăng cường cơ giới hóa, áp dụng tưới tiêu khoa học và các tiến bộ công nghệ mới vào sản xuất.

Đẩy nhanh ứng dụng cơ giới hóa vùng chuyên canh, vùng sản xuất giống lúa, ngô, lạc, rau, giống cây lâm nghiệp, dược liệu, đảm bảo đến năm 2025 tỷ lệ cơ giới hóa ở các vùng này đạt trên 95%, đến năm 2030 đạt trên 98%. Nghiên cứu, áp dụng cơ giới hóa vào sản xuất, khai thác gỗ rừng trồng. Tổ chức điều tra, khảo sát để tham mưu xây dựng Đề án và cơ chế chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 nhằm đạt tỷ lệ ứng dụng như trên.

Đẩy mạnh thực hiện các biện pháp tưới tiết kiệm: Đến năm 2025, tỷ lệ diện tích sản xuất được tưới tiết kiệm đạt trên 20%, đến năm 2030 đạt trên 50%. Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ thông minh trong trồng trọt, nhất là trong sản xuất các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như cây ăn quả, dược liệu...

Chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong các khâu giống, chăm sóc nuôi dưỡng, dự trữ, chế biến thức ăn, phòng chống dịch bệnh, xử lý môi

trường nhằm nâng cao hiệu quả chăn nuôi, chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường. Khuyến khích hình thành các cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo hướng ứng dụng công nghệ cao, ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống quản lý chăn nuôi, nhất là các cơ sở sản xuất con giống. Đẩy mạnh thực hiện số hóa, chuyển đổi số, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý chăn nuôi.

Thực hiện tốt việc quản lý, bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng tự nhiên hiện có; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác bổ sung giá trị dịch vụ môi trường rừng thông qua năng lực hấp thụ các-bon, du lịch sinh thái; triển khai có hiệu quả việc thí điểm kinh doanh tín chỉ các-bon rừng từ giảm phát thải khí nhà kính thông qua chống mất rừng và suy thoái rừng, đề án thu phí hấp thụ các-bon đối với các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp. Nâng cao năng lực quản lý rừng bền vững và quản lý chuỗi hành trình chế biến gỗ và lâm sản. Đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến. Chú trọng các loại cây lấy gỗ lớn có giá trị cao, cây bản địa, cây đa mục tiêu, các sản phẩm ngoài gỗ (mây, dược liệu...). Thực hiện bảo vệ môi trường và hệ thống giao thông miền núi, bảo vệ các rừng đặc dụng và rừng phòng hộ đầu nguồn. Tập trung giao đất, giao rừng, khoán quản lý bảo vệ rừng, cho thuê dịch vụ môi trường rừng. Xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý rừng cộng đồng gắn với cải thiện sinh kế cho người dân. Phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với du lịch (bao gồm du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch làng nghề).

Xây dựng cơ cấu nghề khai thác thủy, hải sản hợp lý, tổ chức điều chỉnh, sắp xếp lại hoạt động khai thác vùng lòng, vùng ven bờ và khai thác thủy sản nội địa hợp lý; giảm thiểu, tiến tới chấm dứt các nghề khai thác có tính hủy diệt nguồn lợi thủy sản; chuyển đổi các nghề xâm hại lớn đến nguồn lợi, môi trường sang nghề thân thiện và bền vững. Hiện đại hóa công tác quản lý nghề cá nhằm giám sát có hiệu quả hoạt động của tàu cá trên biển, chủ động cảnh báo, kịp thời ứng phó với các sự cố rủi ro, thiên tai trên biển. Đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển tham gia hiệu quả công tác hỗ trợ tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc. Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu, thuyền theo định hướng quy hoạch, bảo đảm đồng bộ và từng bước hiện đại; đồng thời, xây dựng và áp dụng mô hình quản lý bằng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu thống nhất từ tỉnh đến cơ sở.

3.3. Hình thành các khu nông nghiệp từng bước ứng dụng công nghệ cao quanh vành đai của các khu du lịch, khu đô thị, thúc đẩy phát triển các làng nghề truyền thống (ươm tơ, dệt lụa...) nhằm đảm bảo cảnh quan, hậu cần và phát triển du lịch. Hình thành các hoạt động tích cực hỗ trợ nông thôn để phục vụ du lịch. Xây dựng và triển khai các đề án về du lịch sinh thái trên cơ sở phát huy các giá trị cảnh quan thiên nhiên và văn hóa vật thể, phi vật thể truyền thống của các dân tộc thiểu số miền núi. Phục hồi các hệ sinh thái rừng ngập mặn, rạn san hô; nâng cao hiệu quả hoạt động của khu bảo tồn biển, phát triển bảo tồn biển gắn với du lịch sinh thái và nông thôn. Xúc tiến hình thành Trung tâm bảo tồn biển và hệ sinh thái đất ngập nước ven biển tỉnh Quảng Nam. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu

quả Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; định hướng một số dự án quan trọng vùng Tây tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Xây dựng và triển khai chương trình về phát triển du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới, phát triển sản phẩm du lịch đặc thù gắn với những tiềm năng, lợi thế tự nhiên, nét đặc sắc riêng về văn hóa truyền thống, con người của từng địa phương, từng vùng miền; sớm hình thành các chuỗi liên kết hợp tác giữa các địa phương; phát huy vai trò chủ thể của các chủ trang trại, doanh nghiệp, hộ nông dân trong tổ chức thực hiện mô hình du lịch nông thôn; có chính sách xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn hiệu quả; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ phục vụ du lịch..., góp phần đưa du lịch nông thôn phát triển đột phá, hiệu quả, bền vững. Tăng cường công tác dạy nghề lao động nông thôn theo nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và của xã hội, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Chuyển đổi nhận thức về tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp: Chuyển đổi mạnh mẽ từ nhận thức tới hành động phát triển nền nông nghiệp bền vững theo hướng nông nghiệp xanh, nông nghiệp sinh thái thông qua việc áp dụng đồng bộ các quy trình, công nghệ sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư đầu vào cho sản xuất nông nghiệp, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, không gây ảnh hưởng tới môi trường sức khỏe con người. Chuyển đổi tư duy của nông dân về phát triển kinh tế nông nghiệp, tập trung nâng cao giá trị, chất lượng, hiệu quả sản xuất thông qua ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ và thành tựu khoa học công nghệ trên thế giới.

4.1. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, sản xuất giống trên các lĩnh vực ngành. Tăng cường hơn nữa công tác xúc tiến thương mại, cải cách thủ tục hành chính để kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với thị trường tiêu thụ.

- Phát triển các chuỗi liên kết sản xuất giống lúa, ngô, đậu xanh... hiện có. Tiếp tục hình thành các liên kết sản xuất giống cây trồng mới trong sản xuất giống cây ăn quả, cây dược liệu; xúc tiến xây dựng mới các chuỗi sản xuất - chế biến - tiêu thụ cho các loại cây trồng nằm trong Danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh như: Lúa, ngô, lạc, cây ăn quả (mãng cụt, cam, bưởi, chuối...), cây dược liệu (sâm Ngọc Linh, ba kích, đảng sâm, sa nhân...); bò thịt, lợn thịt; tôm....

- Khuyến khích xây dựng cơ sở sản xuất giống gia súc (bò, lợn), gia cầm theo hướng công nghiệp hiện đại nhằm đáp ứng đủ nhu cầu con giống đảm bảo chất lượng phục vụ sản xuất chăn nuôi trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ hình thành các cơ sở cung cấp giống gà bản địa quy mô nhỏ trong dân để cung cấp kịp thời con giống tại chỗ có chất lượng cho người chăn nuôi. Phát triển chăn nuôi theo các chuỗi liên kết từ khâu sản xuất, sơ chế, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm; khuyến khích các doanh nghiệp, Hợp tác xã, tổ hợp tác, các hội nghề nghiệp... tham gia liên kết đầu tư, kết nối thị trường nhằm kiểm soát tốt chất lượng, an toàn thực phẩm và điều tiết cung cầu của thị trường sản phẩm chăn nuôi.

- Nâng cao năng lực quản lý rừng bền vững và quản lý chuỗi hành trình chế biến gỗ và lâm sản. Đẩy mạnh phát triển vùng nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến gỗ. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, khuyến khích trồng rừng cây gỗ lớn cây bản địa, cây đa mục đích, chuyển hóa rừng sản xuất đằm gỗ sang kinh doanh gỗ lớn; đẩy mạnh phát triển diện tích rừng gỗ lớn và cấp chứng chỉ rừng (FSC).

- Quản lý tốt hoạt động khai thác đánh bắt thủy hải sản tự nhiên trên biển và nội địa, chuyển sinh kế cho một phần ngư dân sang nuôi trồng và ngành nghề khác. Đảm bảo làm chủ các lĩnh vực nền tảng phục vụ cho ngành thủy sản (giống, thức ăn, thuốc, vật tư, thiết bị, v.v.). Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi phục vụ thủy sản. Bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản gắn với bảo tồn đa dạng sinh học.

4.2. Tổ chức lại sản xuất, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, tăng nhanh diện tích, sản lượng theo quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP).

- Trong trồng trọt, tập trung phát triển các cây trồng có lợi thế so sánh và có nhu cầu lớn, ổn định phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu như sản xuất lúa giống, rau, quả, dược liệu, hồ tiêu, cao su. Áp dụng kỹ thuật tiên bộ, công nghệ cao để nâng cao hiệu quả, tăng thu nhập cho nông dân và phát triển bền vững hơn. Khuyến khích phát triển nông nghiệp hữu cơ. Hình thành các vùng chuyên canh đồng bộ về cơ sở hạ tầng, dịch vụ, phát triển công nghiệp chế biến. Triển khai Đề án “*Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030*” nhằm chuyển đổi diện tích sản xuất lúa năng suất thấp, bấp bênh sang phát triển các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản có năng suất, chất lượng cao.

- Trong chăn nuôi, phát triển các ngành hàng có thị trường và có tiềm năng như thịt gia súc (bò, lợn), thịt gà và trứng gà; phát triển chăn nuôi vật nuôi bản địa, đặc sản có giá trị cao đảm bảo an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và không gây ô nhiễm môi trường. Phát triển chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, khuyến khích chăn nuôi hữu cơ theo hướng sản xuất hàng hóa chất lượng cao, đảm bảo an toàn dịch bệnh. Bố trí quỹ đất dành cho chăn nuôi và trồng cây thức ăn chăn nuôi tập trung ở các vùng xa khu dân cư và mật độ dân số thấp, đảm bảo xử lý môi trường và phòng tránh dịch bệnh.

- Đối với thủy sản, phát huy lợi thế điều kiện tự nhiên và hiện đại hóa quy trình sản xuất, nâng cao chất lượng và hiệu quả nuôi trồng thủy sản, tập trung phát triển sản phẩm chiến lược tôm theo hai hướng nuôi công nghiệp hiện đại và nuôi hữu cơ, thân thiện với môi trường. Phát triển ngành nuôi cá nước ngọt qui mô nhỏ hộ gia đình, cả nuôi lồng bè, ao hồ tập trung; củng cố nuôi trồng thủy sản nước lợ gắn với bảo vệ môi trường; phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên biển gắn với phát triển kinh tế biển, quốc phòng và đảm bảo cân bằng sinh thái, bảo vệ môi trường. Xúc tiến nhanh hình thành các cơ sở hậu cần nghề cá trong đánh bắt hải sản và nuôi trồng thủy, hải sản; chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU).

- Trong lâm nghiệp, tập trung bảo vệ và nâng cao chất lượng rừng tự nhiên, trước hết là rừng đặc dụng và phòng hộ đáp ứng mục tiêu môi trường và kết hợp du lịch, nghiên cứu. Nâng cao hiệu quả rừng sản xuất, đáp ứng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến gỗ và hình thành vùng nguyên liệu tập trung có quy mô vừa và lớn, đạt tiêu chuẩn bền vững. Phát triển sản xuất lâm sản ngoài gỗ, dịch vụ môi trường rừng cải thiện sinh kế cho cộng đồng các dân tộc miền núi, vừa giúp bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

4.3. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới và nâng cao hiệu quả các hình thức tổ chức sản xuất và hợp tác xã, thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ*), trong đó, ưu tiên các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, liên kết với các doanh nghiệp trong tiêu thụ nông sản, thích ứng với cơ chế thị trường; thực hiện các chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp. Trước mắt cần triển khai hiệu quả cơ chế, chính sách phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh nhằm hỗ trợ hoàn thiện kết cấu hạ tầng kỹ thuật, sản xuất; nâng cao năng lực quản trị, khả năng cạnh tranh trên thị trường thông qua việc thu hút lực lượng lao động trẻ có trình độ, tâm huyết vào làm việc, khởi nghiệp, phát triển thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, tham gia sâu vào chuỗi giá trị... Lãnh mạnh hóa khu vực kinh tế tập thể thông qua kiểm soát chặt chẽ việc thành lập, hoạt động đảm bảo theo Luật; rà soát giải thể những hợp tác xã yếu kém, ngừng hoạt động lâu ngày; nâng cao trách nhiệm, phát huy vai trò của các thành viên trong công tác quản lý, điều hành, tổ chức sản xuất; tiếp tục huy động nguồn vốn góp của các thành viên để nâng cao năng lực tài chính; chủ động tìm kiếm thị trường, đối tác trên các nền tảng thương mại điện tử...

4.4. Tập trung phối hợp rà soát quy hoạch vùng huyện, xã nông thôn mới và các quy hoạch liên quan để điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sắp xếp và ổn định dân cư, quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, quy hoạch phát triển kinh tế vườn, kinh tế trang trại, làng nghề, làng nghề truyền thống... Nội dung quy hoạch sản xuất nông nghiệp cần đảm bảo khai thác hiệu quả các lợi thế tiềm năng từng vùng, từng địa phương. Trong đó, chú trọng hình thành, phát triển thành các khu vực sản xuất tập trung, quy mô lớn. Đối với khu vực đồng bằng định hướng hình thành các vùng chuyên canh sản xuất theo hướng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), sản xuất hữu cơ, sinh học, ứng dụng công nghệ cao... Đối với khu vực trung du, miền núi hình thành các vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp dài ngày, cây dược liệu, cây ăn quả các loại, rừng gỗ lớn để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy chế biến trong tương lai. Nội dung quy hoạch bố trí, sắp xếp dân cư phải có đủ điều kiện về đất ở, đất sản xuất, đảm bảo quỹ đất dự phòng đáp ứng nhu cầu về gia tăng dân số, thuận lợi trong việc kết nối các hạ tầng điện, giao thông, y tế, giáo dục, nguồn nước; phù hợp với phong tục, tập quán sinh hoạt của người dân... Công tác sắp xếp, bố trí phải được thực hiện theo thứ tự ưu tiên, trước mắt là các hộ gia đình bị uy hiếp bởi thiên tai cần di dời khẩn cấp; các hộ dân ở khu vực bảo vệ của rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, vùng đặc biệt khó khăn, hộ dân tộc thiểu số sống phân tán, rải rác ở nơi xa xôi, hẻo lánh. Việc bố trí dân cư chủ yếu được

thực hiện trên địa bàn nội bộ xã để cự ly di chuyển ngắn, tránh xáo trộn về đời sống và sản xuất; bố trí theo hình thức xen ghép là chủ yếu hoặc mở rộng các khu dân cư hiện có. Trường hợp thật cần thiết mới san lấp mặt bằng xây dựng các khu mới, tuy nhiên phải đảm bảo các giải pháp về kỹ thuật, hạn chế thấp nhất việc thay đổi kết cấu tự nhiên gây nguy cơ sạt lở và phải hướng tới hình thành các điểm dân cư theo tiêu chí nông thôn mới.

4.5. Tổ chức hoạt động xúc tiến và hỗ trợ thu hút doanh nghiệp

- Xây dựng hệ thống kết nối thương mại từ sản xuất, tiêu thụ và chế biến trong chuỗi giá trị thông qua tổ chức thành mối liên kết chính thức và xây dựng quy chế hoạt động các Hiệp hội để đẩy mạnh thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tạo điều kiện gắn kết hỗ trợ, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo trong nông nghiệp. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư các doanh nghiệp xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, sản xuất an toàn, vệ sinh thực phẩm theo cơ chế chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (*Nghị quyết 45/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh, Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 của UBND tỉnh*).

- Tăng cường cải thiện môi trường, xúc tiến đầu tư, cải cách hành chính, tạo quỹ đất “sạch”... Đẩy mạnh việc thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, phát triển công nghiệp chế biến nông sản... hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh gắn bó lâu dài trên địa bàn tỉnh.

- Khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng “cánh đồng lớn”, nhất là đối với một số sản phẩm có giá trị hàng hóa cao có lợi thế trên thị trường; tăng cường sự liên kết, tham gia của các tổ chức như Hội Nông dân, Hiệp hội ngành hàng...

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ ban đầu để tạo động lực cho người sản xuất và tạo điều kiện cho doanh nghiệp liên kết, hỗ trợ xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm.

4.6. Triển khai việc tích tụ tập trung đất đai; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ nông sản và Chương trình OCOP để phát triển các sản phẩm địa phương

- Xây dựng và tham mưu ban hành cơ chế hỗ trợ phù hợp cho doanh nghiệp trong việc liên kết sản xuất, tích tụ ruộng đất, gắn với việc xây dựng sản xuất tập trung và xây dựng thương hiệu sản phẩm. Phải xem doanh nghiệp là động lực chính, là cầu nối quan trọng trong việc phối hợp tổ chức lại sản xuất tại địa phương. Xây dựng chính sách thông thoáng, đảm bảo quyền lợi của các bên liên quan để thúc đẩy tích tụ ruộng đất, liên kết sản xuất, đẩy mạnh việc phát triển các trang trại, nông trại, hợp tác xã có quy mô lớn để tận dụng vốn và công nghệ tập trung, đáp ứng yêu cầu sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng cao. Thông qua việc tháo gỡ về chính sách đất đai để nhanh chóng hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh.

- Xây dựng và hỗ trợ liên kết sản xuất để hình thành những cánh đồng lớn, vùng sản xuất cây trồng chủ lực, có thế mạnh của địa phương gắn với sản xuất hàng hóa có thương hiệu theo chuỗi.

- Đối với việc xây dựng và hình thành các vùng chuyên canh sản xuất các loại cây trồng ưu tiên với quy mô lớn, gắn sản xuất, tiêu thụ, chế biến và xây dựng thương hiệu các sản phẩm hàng hóa theo chuỗi trên địa bàn tỉnh; cần tập trung thực hiện những nội dung sau:

+ Hỗ trợ, đẩy mạnh kết nối các hợp tác xã, doanh nghiệp, nông dân tham gia hợp tác, liên kết trong sản xuất, sơ chế, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm từ nông nghiệp để hình thành nên chuỗi sản xuất, cung ứng bền vững; góp phần giải quyết kịp thời tình trạng sản xuất manh mún, cây trồng, con vật nuôi không đảm bảo nguồn gốc, chất lượng.

+ Đẩy mạnh tham gia và nâng cao hơn nữa chất lượng Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” để nhiều sản phẩm địa phương được sản xuất và thương mại hóa trên thị trường thông qua việc phát huy tiềm năng, lợi thế, đặc trưng vùng miền như các sản phẩm từ Sâm Ngọc Linh, Đảng sâm, Quế, Lòn bon, Đậu phộng, Mè đen, Trầm hương, Tiêu Tiên Phước, gạo, nước mắm, Trầm Hương, Tơ lụa, yến sào... và các sản phẩm du lịch cộng đồng. Đây là cơ sở, tiền đề cho các sản phẩm được phát triển theo hướng đa dạng, chế biến sâu, gia tăng giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường ngày càng khó tính.

+ Tăng cường công tác marketing, quảng bá nông sản thông qua nhiều hình thức, từng bước xây dựng và bảo vệ thương hiệu nông sản, tạo được thị trường tiêu thụ ổn định.

4.7. Phát triển khoa học công nghệ và nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ, huy động sự tham gia các thành phần kinh tế, đặc biệt là doanh nghiệp vào các hoạt động khoa học công nghệ; tăng kinh phí đầu tư cho lĩnh vực khoa học công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực và khuyến nông. Hỗ trợ nông dân kết nối, tiếp cận với dịch vụ nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng tiến bộ kỹ thuật.

- Nghiên cứu, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; chọn lọc các giống cây trồng, vật nuôi, hệ thống canh tác thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu như giống lúa chịu mặn, các công thức luân canh cây trồng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng...

- Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực thông qua một số Trung tâm công nghệ cao tạo bước đột phá để công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Bên cạnh đó đẩy mạnh các chương trình đào tạo nghề cho nông dân, thanh niên nông thôn, các lớp tập huấn, mô hình sản xuất mới, tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm...

4.8. Huy động mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chú trọng đầu tư phát triển các công trình thủy lợi, nhất là thủy lợi cho cây trồng cạn, giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, cơ sở sơ chế, chế biến nông sản gắn liền

với quy hoạch, phát triển nông thôn. Hình thành các khu nông nghiệp từng bước ứng dụng công nghệ cao, tập trung đầu tư tại các vùng đã tích tụ ruộng đất để đào tạo kỹ thuật, cung cấp công nghệ về giống, chăm sóc, thu hoạch. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ trên cơ sở huy động và sử dụng tối ưu các nguồn lực, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để thực hiện có hiệu quả nhằm tạo nền tảng, động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội nông thôn; chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng công cộng (giao thông, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa...), vừa phục vụ dân sinh vừa đảm bảo gắn với việc phòng, chống thiên tai, phòng, chống dịch bệnh, làm kho bảo quản, dự trữ lương thực thực phẩm cho khu vực, cụm xã, khu tái định cư... Đầu tư, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng và dịch vụ hậu cần phục vụ khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản theo quy mô lớn và bền vững.

5. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; phát triển mô hình “Làng nông nghiệp đô thị” hài hòa trong chuỗi mắc xích nông thôn gắn với đô thị

5.1. Thường xuyên củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo, bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp đủ mạnh để kịp thời tham mưu thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đảm bảo hiệu quả. Tăng cường hơn nữa công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới, người dân thực sự là chủ thể thực hiện, hưởng lợi.

5.2. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ nguồn lực xây dựng nông thôn mới phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng miền, nhất là miền núi. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước để hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới; lồng ghép nguồn vốn đầu tư các Chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác trên địa bàn để tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trọng điểm của huyện, xã theo quy hoạch; tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của các Bộ, ngành Trung ương trong việc ưu tiên bố trí, lồng ghép các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Tập trung huy động nguồn lực xã hội hóa trong xây dựng nông thôn mới, chủ động kêu gọi các tổ chức, cá nhân hỗ trợ, tài trợ xây dựng nông thôn mới.

5.3. Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng đảm bảo việc làm và tăng thu nhập, giảm nghèo cho dân cư nông thôn

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn, nhất là các doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động tạo việc làm bền vững cho lao động nông thôn; có chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn, nhất là vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, tạo ra nhiều việc làm; gắn hoạt động kinh tế của các làng nghề với dịch vụ du lịch và bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống, tăng thu nhập cho người dân nông thôn từ các ngành nghề phi nông nghiệp. Thực hiện hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”, hình thành các sản phẩm OCOP có giá trị thương hiệu cao và sản lượng sản phẩm lớn.

Xây dựng và tham mưu trình UBND tỉnh, HĐND tỉnh Đề án và Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022 -2025; ban hành quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 09/7/2015 của UBND tỉnh) và tăng cường kiểm tra, hướng dẫn nhằm đảm bảo hoạt động theo tiêu chí quy định tại Điều 6, Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.

- Phát triển kinh tế dịch vụ, du lịch nông thôn, khai thác lợi thế tiềm năng cảnh quan, môi trường sinh thái, đa dạng văn hóa truyền thống các vùng miền trong cả nước.

5.4. Xây dựng nông thôn văn minh, hiện đại, bảo tồn giữ gìn văn hóa bản địa

- Điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới, quy hoạch sắp xếp lại nhà ở dân cư nông thôn, vùng sản xuất, hạ tầng cơ sở. Khảo sát và xây dựng đề án phát triển mô hình “*Làng nông nghiệp đô thị*” hài hòa trong chuỗi mắc xích nông thôn gắn với đô thị, vừa phát triển bền vững kinh tế nông thôn gắn với đảm bảo về môi trường và đời sống về hưởng thụ văn hóa, phúc lợi xã hội hài hòa.

- Tập trung xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu ở các cấp. Xây dựng môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; hệ thống chính trị ở nông thôn được tăng cường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững. Phát triển cảnh quan nông thôn bền vững gắn với phát triển làng thông minh. Thúc đẩy chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới.

- Tập trung thực hiện mô hình thôn, xã nông thôn mới thông minh, nông thôn mới gắn với phát triển du lịch nông thôn. Đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; gìn giữ, tôn tạo, phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với phát triển du lịch; khơi dậy, phát triển các giá trị chuẩn mực của con người Quảng Nam trong giai đoạn mới. Quá trình đầu tư, xây dựng nông thôn mới cần đảm bảo các tiêu chí về bảo vệ môi trường. Có cơ chế, kế hoạch hỗ trợ để đẩy nhanh phát triển các đường hoa, đường cây xanh bóng mát, đẩy mạnh công tác thu gom, phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn bằng chế phẩm sinh học; xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, góp phần phát triển nông thôn thành các “*Vùng quê đáng sống*”, “*Làng quê thuần Việt*”...

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, tạo thuận lợi cho phát triển mô hình cộng đồng quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ môi trường nông thôn, đẩy mạnh xử lý chất thải tại nguồn; thu hút đầu tư các khu xử lý rác tập trung quy mô liên huyện; phát triển các mô hình hiệu quả xử lý nước thải quy mô hộ, thôn. Đẩy mạnh xử lý môi trường ở những nơi ô nhiễm nghiêm trọng (làng nghề, bãi tập trung chôn lấp, xử lý rác, nước thải).

5.5. Nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm thiểu rủi ro do thiên tai, đảm bảo an sinh cho người dân nông thôn

- Tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, phúc lợi xã hội cho khu vực nông thôn. Nâng cao hiệu quả của y tế cộng đồng cấp xã và cấp huyện đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho người dân nông thôn. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục nông thôn, đầu tư cơ sở hạ tầng, chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn. Xây dựng chương trình đào tạo, tuyển dụng và thu hút tài năng về lập nghiệp ở nông thôn ở cả khu vực công và khu vực tư. Xây dựng chương trình đào tạo lại nghề/bổ trí việc làm cho lao động công nghiệp trở lại nông thôn.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách, chương trình giảm nghèo, đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức giảm nghèo, nhất là tại các huyện nghèo và các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường công tác giảm thiểu rủi ro cho người dân nông thôn, nhất là vùng dễ bị tổn thương. Phân đầu chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với BĐKH, giảm thiểu tổn thất về người và tài sản của nhà nước, nhân dân. Hoàn thiện hệ thống tổ chức, bộ máy và xây dựng lực lượng phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn các cấp theo hướng chuyên nghiệp, đủ năng lực để triển khai đồng bộ công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn đảm bảo yêu cầu chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả khẩn trương, hiệu quả và tái thiết tốt hơn. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Quyết định số 1900/QĐ-UBND ngày 08/7/2021 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 06/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025 với nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao nhận thức, hiểu biết về rủi ro thiên tai, tăng cường quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng kết hợp xây dựng nông thôn mới trong bối cảnh tác động của biến đổi khí hậu và áp lực của quá trình phát triển kinh tế, xã hội. Tạo sự quan tâm, tham gia của các cấp, các ngành, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong công tác phòng, chống thiên tai.

- Nghiên cứu, xây dựng các mô hình đảm bảo an sinh cho người dân nông thôn bền vững như lương hưu, trợ cấp, bảo hiểm, v.v.

6. Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số trong nông nghiệp

- Đẩy mạnh ứng dụng các công cụ phục vụ chuyển đổi số, tập trung vào quản lý đất nông nghiệp, quản lý sản xuất cây trồng, vật nuôi, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh; kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành của cơ quan Nhà nước các cấp và sản xuất, kinh doanh của người dân, doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh thí điểm và nhân rộng các mô hình nông nghiệp thông minh, mô hình quản lý vùng chuyên canh, mã số vùng trồng, truy xuất nguồn gốc. Phát triển quản lý chuỗi cung ứng nông sản theo ứng dụng blockchain, quản lý nông sản từ quá trình sản xuất, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, vận chuyển, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để cung ứng sản phẩm trực tiếp từ nơi cung ứng đến người bán lẻ nhằm giảm tỷ lệ tổn thất sau thu hoạch và đảm bảo an toàn thực phẩm.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, quản lý thông tin, phân tích dữ liệu và cảnh báo thiên tai, dịch bệnh; dự báo thị trường.

7. Đổi mới và nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý ngành nông nghiệp, nông thôn

Xây dựng nhà nước kiến tạo, chuyển giao một số dịch vụ công do Nhà nước cung cấp sang cho tư nhân và các tổ chức xã hội thực hiện. Nhà nước chỉ trực tiếp thực hiện các nhiệm vụ mà tư nhân và các tổ chức xã hội không muốn làm hoặc không làm được để nguồn lực tập trung củng cố và tăng cường năng lực các cơ quan quản lý trong xây dựng chính sách, chiến lược, ban hành tiêu chuẩn. Nhà nước chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước mang tính hành chính công (xây dựng chiến lược, chương trình, quy hoạch, cơ chế chính sách; xây dựng các tiêu chuẩn, số hóa hệ thống quản lý ngành, số hóa vùng trồng, vùng nuôi, trang trại, hộ sản xuất lớn), các hoạt động quản lý các công trình đầu mối quan trọng (công trình thủy lợi quốc gia, công trình giao thông, các vườn quốc gia, v.v.), các hoạt động dịch vụ phi lợi nhuận (nghiên cứu cơ bản; kiểm dịch, v.v). Trao quyền và hỗ trợ phát triển tư nhân thực hiện các dịch vụ đem lại lợi nhuận nhất là các dịch vụ cần có tổ chức độc lập chứng nhận, đánh giá và thực hiện, v.v.

Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước của ngành tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công, thúc đẩy xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công; nâng cao năng lực quản trị của đơn vị sự nghiệp công lập.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và PTNT

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành và địa phương tham mưu UBND tỉnh triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp để hoàn thành các mục tiêu tại Kết luận số 91-KL/TU của Tỉnh ủy về phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ liên quan về: Định hướng quy hoạch phát triển nông lâm nghiệp và thủy sản; xây dựng các Chương trình, Đề án, Kế hoạch; tham mưu ban hành, điều chỉnh, tích hợp, tổ chức thực hiện tốt các cơ chế chính sách liên quan trên lĩnh vực nông lâm nghiệp và thủy sản, các chính sách liên quan về phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới chỉ đạo, thực hiện tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; cơ cấu lại ngành nông nghiệp; Chương trình Mỗi xã một sản phẩm tỉnh Quảng Nam trong giai đoạn mới.

Chủ trì theo dõi, cập nhật tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch; tham mưu giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh, vướng mắc; công tác sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch.

Chủ trì, phối hợp với các địa phương, cụ thể hóa các chỉ tiêu theo Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy theo huyện, hoặc nhóm huyện; lồng ghép thực hiện các chỉ tiêu theo Kết luận 91-KL/TU với các chỉ tiêu liên quan tại các Nghị quyết của Tỉnh ủy, Nghị quyết của HĐND, Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025; hình thành bộ chỉ tiêu về phát triển nông nghiệp, nông thôn nhằm tạo thuận lợi cho việc thực hiện của các địa phương và thuận lợi cho công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện tích hợp các quy hoạch trong lĩnh vực nông nghiệp vào Quy hoạch tỉnh Quảng Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đối với các quy hoạch không thuộc danh mục quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành theo quy định của Luật Quy hoạch.

Tham gia xây dựng kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2021-2025, hệ thống chỉ tiêu phát triển ngành đảm bảo phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2021-2025.

Tham mưu xây dựng, điều chỉnh, bổ sung, tổ chức thực hiện tốt chính sách về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; các chính sách về phát triển kinh tế tập thể.

Tham mưu cân đối vốn và lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công để đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; chú trọng các công trình phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội miền núi; các chương trình phát triển kinh tế nông thôn.

3. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổng hợp, tham mưu phân bổ, bổ sung dự toán kinh phí sự nghiệp Trung ương, tỉnh cho các Sở, Ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, đoàn thể và địa phương để thực hiện các cơ chế, chính sách, kế hoạch, đề án giai đoạn 2021-2025 trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội miền núi; các chương trình phát triển kinh tế nông thôn; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan trong việc tham mưu đề xuất tăng cường nguồn lực đầu tư, hỗ trợ cho phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-

2025. Cân đối, ưu tiên bố trí kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động của hệ thống quản lý ngành nông nghiệp để thực hiện Chiến lược, phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, đánh giá hiệu quả đào tạo nghề cho lao động nông thôn thời gian qua; rà soát, nghiên cứu đề xuất chính sách, giải pháp hỗ trợ đào tạo nghề lao động nông thôn gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; gắn với địa chỉ sử dụng lao động cụ thể (doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh, hợp tác xã...). Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT lập kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ sản xuất kinh doanh ngành nông nghiệp.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến các quy định của pháp luật lao động, an toàn vệ sinh lao động trong các làng nghề, các cụm công nghiệp sử dụng nhiều lao động tại khu vực nông thôn. Phối hợp kiểm tra, hướng dẫn công tác an toàn vệ sinh lao động; triển khai áp dụng mô hình quản lý an toàn vệ sinh lao động tại khu vực làng nghề.

5. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai hiệu quả các chương trình, nhiệm vụ khoa học công nghệ: chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số, nhiệm vụ bảo tồn gen và các chương trình khoa học công nghệ khác hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách phát triển nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan đề xuất, tham mưu cơ chế khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, chuyên canh với quy mô lớn; triển khai hiệu quả các chương trình, dự án khắc phục ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn. Đẩy mạnh việc cấp, đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sản xuất nông nghiệp; nhất là đất lâm nghiệp hợp pháp cho các tổ chức, người dân để ổn định phát triển sản xuất.

7. Các Sở: Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ phát triển, quảng bá, xúc tiến các sản phẩm dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn, gắn với xây dựng nông thôn mới và sản phẩm của Chương trình OCOP; phối hợp triển khai các hoạt động thúc đẩy tiêu thụ nông sản, sản phẩm thuộc Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tại các thị trường khách du lịch trọng điểm.

8. Các Sở, Ban ngành khác: Căn cứ các chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong tổ chức thực hiện Kế hoạch; tham mưu giải quyết các vướng mắc đối với những vấn đề liên quan thuộc lĩnh vực quản lý để thực hiện tốt Kế hoạch này.

9. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Căn cứ các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch, xây dựng Kế hoạch phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn phù hợp với thực tiễn. Tổ chức thực hiện hiệu quả các chính sách của Trung ương, của Tỉnh đã ban hành; đồng thời nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương để đẩy mạnh thực hiện và nâng cao hiệu quả phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn. Bố trí ngân sách địa phương, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế đầu tư vào phát triển nông nghiệp, nông thôn. Xây dựng các chương trình, đề án, dự án trọng điểm phù hợp với đặc điểm và thế mạnh của địa phương; ưu tiên phát triển các sản phẩm chủ lực và các sản phẩm đặc sản của địa phương, gắn với công nghiệp chế biến nông sản và thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

10. Đề nghị UBNDTTQVN tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên minh HTX tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các Hội nghề nghiệp: Tham gia thực hiện các hoạt động thông tin, tuyên truyền và hỗ trợ nông dân hợp tác, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác, bảo vệ lợi ích của hội viên trong quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng liên kết. Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT, các ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch. Tham gia đề xuất cơ chế chính sách và biện pháp khuyến khích, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư phát triển ngành nông nghiệp, nông thôn.

11. Giám sát, đánh giá: Hằng năm, triển khai sơ kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ có so sánh với mục tiêu đề ra để từ đó có các giải pháp phù hợp đảm bảo thực hiện thành công các mục tiêu của Kế hoạch. Kết thúc giai đoạn (cuối năm 2025) tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025 và đề xuất giải pháp thực hiện giai đoạn mới./.



Phụ lục
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Kết luận số 91-KL/TU ngày 14/10/2021 của Tỉnh ủy Quảng Nam về phát triển bền vững
nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Nam
giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Sản phẩm cụ thể	Thời gian hoàn thành
I	Thẩm quyền ban hành thuộc HĐND tỉnh				
1	Đề án hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý I/2022
2	Cơ chế khuyến khích bảo tồn, phát triển Sâm Ngọc Linh và dược liệu trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý I/2022
3	Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2022-2025	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý I/2022
4	Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý I/2022
5	Đề án quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý I/2022
6	Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý I/2022

	2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam				
7	Cơ chế, chính sách hỗ trợ đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất nông nghiệp, giai đoạn 2022 - 2026	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý II/2022
8	Quy định về bố trí nhân viên Thú y xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý II/2022
9	Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý III/2022
10	Cơ chế, chính sách hỗ trợ tích tụ đất nông nghiệp phục vụ sản xuất hàng hóa tập trung trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý IV/2022
11	Cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đảm bảo an sinh xã hội đối với các địa phương vừa ra khỏi danh sách xã đặc biệt khó khăn theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý II/2022
12	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của HĐND tỉnh quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2019- 2025	Sở Khoa học và Công nghệ	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý I/2022
13	Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Quảng Nam (thay thế Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh)	Sở Công Thương	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý I/2022
14	Chương trình hỗ trợ thoát nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Quý III/2022
15	Cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư và phát triển	Sở Nông nghiệp	Các ngành liên quan;	Nghị quyết của	Quý IV/2022

	chăn nuôi bền vững trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025	và PTNT	UBND các huyện, TX, TP	HĐND tỉnh	
II	Thẩm quyền ban hành thuộc UBND tỉnh				
1	Đề án phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với chuyển đổi số giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2022
2	Đề án thu tiền dịch vụ môi trường rừng đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh gây phát thải khí nhà kính	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2022
3	Đề án Phát triển nông nghiệp hữu cơ trong canh tác trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2022
4	Xây dựng mô hình quản lý bằng hệ thống thông tin tàu cá	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2022
5	Đề án phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý II/2022
6	Quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống trên địa bàn tỉnh Quảng Nam (thay thế Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 9/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam quy định công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống tỉnh Quảng Nam).	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2022
7	Đề án xây dựng mô hình canh tác nông nghiệp thông minh, thích ứng BĐKH cho từng tiểu vùng: miền núi, trung du, đồng bằng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2022
8	Kế hoạch xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý rừng chủ động gắn với cải thiện sinh kế cho vùng đồng bào DTTS và miền núi	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2022

9	Xây dựng Trung tâm bảo tồn biển và hệ sinh thái đất ngập mặn ven biển	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2022
10	Nâng cấp, hoàn thiện các cảng cá, bến cá, khu neo đậu tránh, trú bão giai đoạn 2022 - 2026	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2022
11	Xây dựng chợ đầu mối nông sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2030.	Sở Công Thương	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2022
12	Xây dựng mô hình "làng nông nghiệp đô thị"	Sở Xây dựng	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2022
13	Xây dựng chương trình đào tạo nghề lao động nông thôn, giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2030.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2022
14	Xây dựng mô hình xử lý rác thải vệ sinh môi trường nông thôn, giai đoạn 2022 – 2026, định hướng đến năm 2030.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2022
15	Đề án xây dựng mạng lưới giết mổ cơ sở giết mổ động vật tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2022
16	Đề án chuyển đổi đất lúa kém hiệu quả sang sản xuất cây trồng khác và thủy sản, giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV/2022
17	Đề án trồng rừng cây bản địa phòng hộ vùng ven biển tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2022 - 2026, định hướng đến năm 2030	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV/2022
18	Phát triển nước sạch nông thôn và miền núi tỉnh Quảng Nam	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các ngành liên quan; UBND các huyện, TX, TP	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV/2022

Lưu ý: - Tên gọi các nhiệm vụ có thể điều chỉnh cho phù hợp trong quá trình soạn thảo.

- Các năm tiếp theo, các Sở, Ban, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất các nhiệm vụ để đăng ký bổ sung vào chương trình công tác hằng năm của UBND tỉnh.